

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-PT

Ngày 09-9-2025

V/v: Tranh chấp bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và ông Bàn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2025/TLPT-LĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 08 tháng 02 năm 2025, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2025/QĐ-PT, ngày 06 tháng 6 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa lao động phúc thẩm số: 15/2025/LĐPT-TB, ngày 02 tháng 7 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa lao động phúc thẩm số: 16/2025/LĐPT-TB, ngày 15 tháng 7 năm 2025; Thông báo hoãn phiên tòa lao động phúc thẩm số: 17/2025/LĐPT-TB, ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đặng Hải N**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm 2, xã T1, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ dân phố 2, phường N, tỉnh Tuyên Quang) - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty C Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số nhà 146, đường T2, tổ 13, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là số nhà 146, đường T2, tổ dân phố M 13, phường M, tỉnh Tuyên Quang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Xuân T**, sinh năm 1975 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 27, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty C Tuyên Quang: Ông **Bùi Đức M**, sinh năm 1995 - Nhân viên Công ty C Tuyên Quang.

Địa chỉ cơ quan: Số nhà 146, đường T2, tổ dân phố M 13, phường M, tỉnh

Tuyên Quang - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số 300, đường T2, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Thái S** - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang: Ông **Hoàng Huy H** - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý thu và phát triển người tham gia Bảo hiểm, xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ cơ quan: Số 300, đường T2, phường M, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đặng Hải N trình bày:

Tôi là công nhân của Công ty C Tuyên Quang (gọi tắt là Công ty). Từ ngày 01/7/2015 tôi đã chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty, nhưng Công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho tôi đến nay đã được hơn 09 năm, nên tôi chưa chót được tiền đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy, tôi khởi kiện Công ty C Tuyên Quang, yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho tôi tính đến 30/6/2024 phần tiền lãi là 102.940.823 đồng (Một trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng), để tôi được Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang chót sổ Bảo hiểm xã hội cho tôi và làm chế độ hưởng bảo hiểm xã hội cho tôi theo quy định.

Ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án:

Công ty C Tuyên Quang (gọi tắt là Công ty) không có tài liệu nào để xác định ông Đặng Hải N là người lao động của Công ty, do vậy ông N tham gia bảo hiểm xã hội từ khi nào đến khi nào (nếu ông N là người lao động của Công ty C Tuyên Quang) Công ty không biết. Tuy nhiên Công ty tạm chấp nhận thông tin mà Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang đã cung cấp.

Công ty xác định khoản tiền bảo hiểm xã hội phải nộp Công ty đã nộp cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang vào tháng 10/2023. Đến thời điểm này Công ty không nợ tiền Bảo hiểm xã hội.

Về việc tính lãi phần tiền bảo hiểm xã hội của ông N mà ông N đang đề nghị Công ty nộp vào Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang, Công ty sẽ xem xét, hợp, quyết định theo ý kiến tập thể để quyết định.

Công ty C Tuyên Quang đề nghị Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang chót sổ bảo hiểm cho ông N theo quy định.

Ông Hoàng Huy H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm:

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành rà soát kiểm tra các tài liệu liên quan, quản lý thu bảo hiểm xác định:

Ông Đặng Hải N, sinh năm 1971, nơi cư trú xã T1, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là phường N, tỉnh Tuyên Quang), tham gia bảo hiểm xã hội có mã số Bảo hiểm xã hội 1402002574, số thẻ bảo hiểm y tế TN20811402002574, có quá trình

đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/1998 đến tháng 5/1999 (từ tháng 6/1999 đến tháng 9/1999 không tham gia); Từ tháng 10/1999 đến tháng 8/2010 (Từ tháng 9/2010 đến tháng 6/2015 không tham gia bảo hiểm xã hội).

Về nghĩa vụ của Công ty C Tuyên Quang phải đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho ông N xác định rằng Công ty còn phải nộp số tiền cho ông N là 102.940.823 đồng tiền lãi của số tiền Bảo hiểm xã hội phải nộp; đối với số tiền gốc của tiền Bảo hiểm xã hội của ông N thì Công ty đã nộp đủ xong.

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang nhất trí việc ông N kiện Công ty C Tuyên Quang. Đề nghị Toà án buộc Công ty C Tuyên Quang nộp cho ông N số tiền 102.940.823 đồng nêu trên vào Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang, để Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang chốt Sổ bảo hiểm cho ông N theo quy định.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2025, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), quyết định:

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 32; các điều 35; 39; 147, 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 2 Điều 3, Điều 4, 17, 18, 19, 21, 85, 86 và khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm Xã hội; Điều 6, 7, 13 và Điều 168 của Bộ luật Lao Động; Điều 12, 13 và Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế; Khoản 4 Điều 3, Điều 43, 44, 45, 57 và Điều 58 của Luật Việc làm;

Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hải N yêu cầu Công ty C Tuyên Quang phải nộp số tiền lãi do chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

2. Buộc Công ty C Tuyên Quang phải nộp vào Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang số tiền 102.940.823 đồng (Một trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng) - Là khoản tiền lãi Công ty phải nộp do chậm nộp cho khoản tiền bảo hiểm xã nộp phần đóng cho ông Đặng Hải N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (Là nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Buộc Công ty C Tuyên Quang phải chịu 3.088.200 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng) án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), nhận được đơn kháng cáo của ông Bùi Xuân T người đại diện theo pháp luật của bị đơn kháng cáo bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18/02/2025; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Đức M là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Xuân T trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Bùi Xuân T và tôi đề nghị Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang chốt sổ bảo hiểm cho ông Đặng Hải N như đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn N1 của Công ty trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Huy H trình bày: Tôi nhất trí với toàn nội dung bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), đã giải quyết. Tôi không nhất trí việc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang chốt sổ bảo hiểm cho ông Đặng Hải N như đã chốt sổ bảo hiểm cho ông Nguyễn Văn N1 của Công ty C Tuyên Quang trước đây, vì trường hợp của ông N1 là khác với ông N.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm các đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới cho Tòa án và Tòa án cũng không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

* Về nội dung: Xét thấy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Bùi Xuân T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung yêu cầu giải quyết và nội dung kháng cáo của bị đơn là có căn cứ pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang; giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2025, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang).

* Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty C Tuyên Quang phải chịu toàn bộ tiền án phí lao động phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/3/2025, ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang có đơn kháng cáo đối với Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang). Xét thấy ông T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang là người có quyền kháng cáo bản án; việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy, đơn kháng cáo của ông T là hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Ông Đặng Hải N là công nhân của Công ty phát triển Công nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo Hợp đồng Lao động số: 114, ngày 15/10/1998. Đến ngày 12/7/2005 thì được điều chuyển làm công nhân của Công ty C Tuyên Quang (gọi tắt là Công ty) từ ngày 15/7/2005. Đến ngày 01/7/2015 ông N đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Quan hệ lao động giữa ông N và Công ty là hợp pháp theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động. Do đó ông N và Công ty phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 4, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật bảo hiểm xã hội. Điều 3, 4, 13 và Điều 168 của Bộ luật lao động. Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Luật bảo hiểm y tế. Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57 và Điều 58 của Luật việc làm.

Theo các tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang cung cấp thể hiện:

Đến khi nghỉ việc ở Công ty, nhưng Công ty không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông N, nên ông N không được chốt sổ bảo hiểm. Sau khi có nhiều đơn kiến nghị của người lao động, các cơ quan chức năng như Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang (cũ) làm việc thì Công ty đã thực hiện một phần nghĩa vụ phải nộp vào Quỹ Bảo hiểm xã hội với phần phải đóng cho ông N (đóng số tiền phải nộp theo quy định vào tháng 10/2023, nhưng chưa nộp tiền lãi).

Tại biên bản đối thoại ngày 18/10/2021, giữa ông Đặng Hải N với Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang và Công ty thì Công ty xác định và cam kết thực hiện nộp số tiền lãi phải nộp cho Bảo hiểm xã hội để Bảo hiểm xã hội chốt sổ cho ông N khoảng 103.000.000 đồng (Một trăm linh ba triệu đồng).

Theo Công văn số: 1182/BHXXH-QLTST, ngày 12/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang thì Công ty còn phải đóng tiền lãi của khoản tiền bảo hiểm xã hội phát sinh đối với ông Đặng Hải N là 102.940.823 đồng (Một trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai ba đồng).

Nghĩa vụ đóng đúng, đóng đủ và đóng kịp thời đúng quy định tiền bảo hiểm xã hội là nghĩa vụ của Công ty. Do Công ty không thực hiện đúng nên phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp theo quy định của khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội. Để đảm bảo quyền lợi của người lao động thì ông N khởi kiện là có căn cứ pháp luật, nên toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), đã giải quyết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang theo quy định của pháp luật.

Do vậy, cần giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm, như đề nghị của nguyên đơn ông Đặng Hải N, của đại diện Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên Công ty C Tuyên Quang phải chịu toàn bộ tiền án phí lao động phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Bùi Xuân T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty C Tuyên Quang, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2025/LĐ-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân K1 - Tuyên Quang), như sau:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32; Điều 35; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 3; Điều 4; 17; 18; 19; 21; 85; 86 và khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm Xã hội. Điều 6; 7; 13 và Điều 168 của Bộ luật Lao Động. Điều 12; 13 và Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế. Khoản 4 Điều 3; Điều 43; 44; 45; 57 và Điều 58 của Luật Việc làm. Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hải N yêu cầu Công ty C Tuyên Quang phải nộp số tiền lãi do chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang.

3. Buộc Công ty C Tuyên Quang phải nộp vào Bảo hiểm Xã hội tỉnh Tuyên Quang số tiền 102.940.823 đồng (Một trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai mươi ba đồng) - Là khoản tiền lãi Công ty C Tuyên Quang phải nộp do chậm nộp cho khoản tiền bảo hiểm xã hội nộp phần đóng cho ông Đặng Hải N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (Là nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty C Tuyên Quang phải chịu 3.088.200 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty C Tuyên Quang phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24; Số: 0000336, ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (cũ). Công ty C Tuyên Quang đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND tỉnh TQ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Hồng Thắng

Bàn Văn Thế

Trần Anh Tuấn